

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2022/DSST

Ngày: 12/4/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng

2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-DS ngày 02/12/2021 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-DS ngày 22/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Bị đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thành N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Năm 2017 -2018 vợ chồng chị Võ Thị H và anh Đỗ Thành N có đầu tư nuôi tôm và nhu cầu lấy thức ăn. Chị H gặp tôi trao đổi lấy thức ăn, tôi đồng ý giao thức ăn cho chị H với điều kiện thu hoạch tôm phải thanh toán.

Vụ đầu năm 2017 chị H thu hoạch tôm, nói lỗi gửi trả 30.000.000 đồng, yêu cầu đầu tư tiếp, tôi thấy vậy đầu tư tiếp cho anh chị vụ năm 2018 cũng nói lỗi gửi trả 30.000.000 đồng. Tổng số tiền 02 vụ năm 2017 -2018 là 208.288.000 đồng, trả 02 lần là 60.000.000 đồng còn lại 148.288.000 đồng không trả, cũng yêu cầu tôi

đầu tư nữa, cho anh chị thêm cơ hội trả nợ cho tôi, năm 2019 chị H, anh N nuôi đạt, thu hoạch tôm nhưng không trả nợ cho tôi mà trả cho người khác. Tôi nhắc nhở nhiều lần nhưng anh chị hứa hoài mà không trả, năm 2019 nợ 191.000.000 đồng. Tổng cộng là 339.288.000 đồng. Nay tôi yêu cầu vợ chồng chị H, anh N phải trả cho tôi 339.288.000 đồng. Về phần lãi suất tôi không yêu cầu.

Theo bản tự khai và lời khai tại Tòa án, trong quá trình xét xử bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Việc anh L trình bày vợ chồng tôi có mua thức ăn tôm là đúng vì nuôi tôm thất nên không trả được nợ kéo dài đến nay.

Tổng số nợ tôi còn thiếu anh L là 339.288.000 đồng. Nay tôi đồng ý trả cho anh L và xin trả dần vì hiện tại gia đình tôi đang gặp khó khăn. Việc giao dịch mua thức ăn là do một mình tôi mua bán, tuy nhiên đây là làm ăn kinh tế gia đình, vợ chồng tôi cũng bàn bạc việc làm ăn để trả nhưng vẫn không trả được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thành N có lời khai thừa nhận bà H là vợ ông có mua thức ăn tôm của ông L vào năm 2017 – 2018, quá trình nuôi tôm vì thua lỗ nên vợ chồng ông còn nợ tiền của ông L là 339.288.000 đồng.

Ông có nhận các giấy tờ do Tòa án gửi, tuy nhiên ông N cho rằng ông L đi khởi kiện vợ chồng ông ra Tòa mà không báo cho ông biết để vợ chồng ông bàn bạc phương án trả nợ cho ông L, vì vậy mà ông không đến Tòa án để giải quyết.

Nay ông N đồng ý cùng vợ là bà Võ Thị H trả đủ số tiền này cho ông L.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 217; 244; 430, 433, 440; 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của ông L; buộc bà H, ông N phải trả số tiền mua thức ăn tôm còn nợ là 339.288.000 đồng. Về tiền lãi đình chỉ không xem xét. Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 14; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà H phải chịu án phí theo quy định, ông Nam không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch tranh chấp trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của ông L yêu cầu bà H, ông N phải trả số tiền mua thức ăn tôm còn nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thành N vắng mặt nhưng ông N có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thanh L yêu cầu bà Võ Thị H và ông Đỗ Thành N phải trả số tiền mua thức ăn tôm còn nợ 339.288.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo lời khai của bà H và ông N và giấy nhận nợ thì bà H, ông N thừa nhận có mua thức ăn tôm và còn nợ ông Liêm 339.288.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu của ông L. Vì vậy buộc bà Võ Thị H và ông Đỗ Thành N phải có nghĩa vụ phải trả số tiền còn nợ ông Nguyễn Thanh L là 339.288.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự.

Về khoản tiền lãi, tại đơn khởi kiện ông L có yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, tại phiên tòa ông L rút lại không yêu cầu tính lãi, nên đình chỉ không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Thanh L được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí. Bà Võ Thị H và ông Đỗ Thành N phải chịu 5% án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Ông Đỗ Thành N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên xét ông N không phải chịu án phí theo Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát như nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các Điều 35; 39; 217; 244; 227; 228; 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12; Điều 14; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L.

Buộc bà Võ Thị H và ông Đỗ Thành N phải trả ông Nguyễn Thanh L số tiền mua thức ăn tôm còn nợ 339.288.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Đình chỉ không xem xét giải quyết về phần tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.482.000 đồng theo biên lai thu số 0006711 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

- Bà Võ Thị H phải chịu 8.482.200 đồng

- Ông Đỗ Thành N không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh